

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2322/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3440/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim O, sinh năm 1988

Căn cước công dân: 079188009430

Địa chỉ: Đường B, Khu phố H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phan Hoàng Th, sinh năm 1983

Căn cước công dân: 079083013919

Địa chỉ: Đường B, Khu phố H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Kim O trình bày:

Bà và ông Phan Hoàng Th tự nguyện tìm hiểu từ năm 2005, sau đó tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Long B, quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2010, ngày 05/01/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông Th bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tính cách, lối sống sinh hoạt hàng ngày cũng như hai bên không có sự tin tưởng nhau trong vấn đề kinh tế gia đình. Vì vậy, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã, xung đột. Mặc dù, bà và ông Th đã nhiều lần tạo cơ hội để dung hòa mâu thuẫn, cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn khi vào ngày 26/01/2023, ông Th đã đánh bà, gây thương tích, nên bà có tới bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông để khám, chụp X quang và được chuẩn đoán bà bị chấn thương gò má, vai do đá thương. Sau sự việc này bà đã phải tách ra ngoài sống riêng cùng với 02 người con chung nên từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ trách nhiệm với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà O xác định trong quá trình chung sống bà và ông Th có 02 con chung tên Phan Huỳnh Thanh T, sinh ngày 14/5/2011 và Phan Huỳnh Th, sinh ngày 29/8/2014. Hiện nay bà đang là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, nên khi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu ông Phan Hoàng Th cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà xác định các chi phí thực tế để nuôi hai con mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con để ông Th thể hiện trách nhiệm cùng bà nuôi dạy con cái, vì từ thời điểm bà và các con dọn ra ngoài sống ông Th không cấp dưỡng nuôi con, cho tới tháng 5/2023 ông Th mới gửi cho bà số tiền 3.000.000 đồng để phụ giúp bà lo cho các con.

Đối với ý kiến trình bày của ông Th cho rằng vào tháng 01/2023 bà lấy tiền lương của ông Th với số tiền khoảng 20.000.000 đồng thì bà xác định có giữ số tiền này. Tuy nhiên, thời điểm bà giữ số tiền trên là vào dịp tết âm lịch, nên bà sử dụng hết số tiền này vào việc chi tiêu, mua sắm tết cho cả gia đình.

Về tài sản chung: Bà và ông Th có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà O không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Phan Hoàng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Th xác định quá trình tiến tới hôn nhân như bà Huỳnh Kim O trình bày là đúng. Ông xác định sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng vẫn hạnh phúc bình thường. Mặc dù, trong quá trình sống chung vợ chồng ông có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng để dẫn

đến phải ly hôn. ông Th cũng thừa nhận vào ngày 26/01/2023, ông có dùng tay đè vào cổ bà O chứ không phải đánh. Sau khi bà O đi khám do chấn thương về thì ông mới biết bà O bị thương. Và từ thời điểm tháng 01/2023, bà O đã tự ý bỏ nhà ra ngoài sống cùng 02 người con chung. Tuy nhiên, ông nghi ngờ bà O có tình cảm với người đàn ông khác nên mới có thái độ lạnh nhạt với ông. Từ khi vợ chồng cùng đến Tòa hòa giải ngày 08/5/2023, ông cũng đã cố gắng tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm với bà O nhưng không có kết quả do bà O không hợp tác. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà O nên ông mong muốn được đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông xác nhận quá trình sống chung, giữa ông và bà O có 02 người con chung tên Phan Huỳnh Thanh T, sinh ngày 14/5/2011 và Phan Huỳnh Th, sinh ngày 29/8/2014. Từ tháng 01/2023 đến nay, bà O đang là người trực tiếp nuôi dưỡng các con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà O được ly hôn thì ông chỉ đồng ý giao cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Huỳnh Thanh T, còn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Huỳnh Th và không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao 02 con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con vì ông cho rằng nếu có thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì cũng chỉ khiến cho việc giáo dục con của bà O ngày càng xấu đi. Ông xác định từ tháng 01/2023 (thời điểm bà O bỏ nhà ra ngoài sống) đến nay, ông không cấp dưỡng nuôi con vì khoảng cuối năm 2022 bà O đã giữ của ông số tiền khoảng 20.000.000 đồng nên ông không thể đưa thêm tiền cho bà O và cuối tháng 5/2023, ông cũng đã gửi cho bà O số tiền 3.000.000 đồng để phụ bà O nuôi các con. Nghề nghiệp hiện nay của ông là công nhân, với mức lương mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng.

Về tài sản chung: ông Th xác định vợ chồng có tạo lập được tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: ông Th xác định không có.

Ngoài ra, ông Th không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Các đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án đồng thời giữ nguyên nội dung trình bày, yêu cầu của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn ông Phan Hoàng Th đang cư trú tại địa chỉ số 28 Đường 79, tổ 1, khu phố 2, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Kim O và ông Phan Hoàng Th tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Long B, quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2010, ngày 05/01/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét, bà O yêu cầu được ly hôn với ông Th: Căn cứ Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bà O cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Th vì bà xác định cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên hai bên thường xuyên cãi vã, xung đột. Mâu thuẫn trầm trọng hơn khi vào ngày 26/01/2023, ông Th đã đánh bà gây thương tích, khiến bà O cùng 02 con phải tách ra ngoài sống riêng. Từ đó, hai bên không còn quan tâm, chia sẻ trách nhiệm với nhau. Mặt khác, qua ý kiến trình bày của ông Th cho thấy giữa vợ chồng bà O và ông Th cũng không có sự tin tưởng lẫn nhau, khi ông Th nghi ngờ bà O có quan hệ tình cảm với người khác nên mới bỏ ra ngoài sống riêng và sử dụng tiền của ông Th với mục đích không minh bạch. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải, ông Th xác định vẫn còn tình cảm với bà O, đồng thời mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng không được bà O đồng ý. Hai bên cũng không có biện pháp khắc phục, dung hòa mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông Th đã

mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà O yêu cầu ly hôn với ông Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 194 ngày 24/5/2011, giấy khai sinh số 430 ngày 08/9/2014 do Ủy ban nhân dân phường Phước Long B, quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) cấp và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định bà O và ông Th có 02 người con chung tên Phan Huỳnh Thanh T, sinh ngày 14/5/2011 và Phan Huỳnh Th, sinh ngày 29/8/2014.

bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. ông Th chỉ đồng ý giao con Phan Huỳnh Thanh T cho bà O nuôi dưỡng, còn ông Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phan Huỳnh Th. Xét thấy, bà O là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung từ tháng 01/2023 cho đến nay, nếu giao 01 con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần và tình cảm của các con. Cha mẹ ly hôn đã là một thiệt thòi cho hai trẻ, nay nếu mỗi trẻ phải ở mỗi nơi khác nhau thì sẽ càng bị thiệt thòi hơn. Do đó, để đảm bảo không gây xáo trộn cuộc sống và ổn định tâm lý của trẻ nên việc giao 02 con chung cho bà Oanh trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp và thuận lợi hơn cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con. Hơn nữa, trong quá trình làm việc tại Tòa án, hai người con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phan Huỳnh Thanh T và Phan Huỳnh Th là có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của ông Th chỉ đồng ý giao con chung Phan Huỳnh Thanh T cho bà O nuôi dưỡng, ông Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phan Huỳnh Th là không phù hợp, nên không chấp nhận.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

bà O yêu cầu ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. ông Th trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho bà O nuôi dưỡng thì ông Th không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, việc nuôi dưỡng, giáo dục con là nghĩa vụ chung của cả cha và mẹ. Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con. Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ trên thu nhập, khả năng kinh tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Th xác định mức thu nhập mỗi tháng của ông từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Đồng thời, bà O xác định chi phí thực tế cho việc nuôi hai con chung khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Như vậy, căn cứ vào thu nhập của ông Th và nhu cầu thiết yếu của các con chung thì việc bà O yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản chung:

Các đương sự xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung:

Các đương sự xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Bị đơn ông Phan Hoàng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim O.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim O được ly hôn với ông Phan Hoàng Th.

1.2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Phan Huỳnh Thanh T, sinh ngày 14/5/2011 và Phan Huỳnh Th, sinh ngày 29/8/2014 cho bà Huỳnh Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Hoàng Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng/người con cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Huỳnh Kim O có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Hoàng Th không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông Th còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy

định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0008205 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Kim O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Hoàng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Hà Văn Đoàn

CÁC HỘI THÂM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Đoàn